

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HS-ST

Ngày: 12 - 01 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quách Đình Hoàng

2. Bà Tô Thị Lành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 203/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Hữu T; sinh năm 1988 tại Kon T, nơi ĐKKHKT: số 38/51B đường Nguyễn Thái H, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nơi cư trú trước khi bị bắt: 100A đường Tô Vĩnh D, tổ 3, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Q (đã chết) và con bà Hoàng Thị Xuân H, sinh năm 1965; có vợ Sử Thị L, có 02 con. Tiền sự: Không; Tiền án: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/6/2022 sau đó bị tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1957; địa chỉ: 92 Tô Vĩnh D, tổ 3, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**- Người chứng kiến:** Ông Tăng Ch, sinh năm: 1961; địa chỉ: Tổ 3, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Lê Hữu T sử dụng ma túy tổng hợp từ khoảng thời gian cuối năm 2021. Ngày 25/6/2022, T đi từ thành phố P, tỉnh Gia Lai vào thành phố Hồ Chí Minh để

chơi. Khoảng 21 giờ ngày 25/6/2022, T đi đến quán B thuộc quận G, thành phố Hồ Chí Minh chơi và có mua của một người thanh niên (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) 02 viên ma túy thuốc Lắc với giá 500.000 đồng. T đã sử dụng hết 01 viên; còn 01 viên màu hồng, T cất vào túi quần để sử dụng sau. Đến khoảng 15 giờ ngày 27/6/2022, T đi chơi tại khu vực ngã tư Trung Ch, xã Trung Ch, huyện Hóc M, thành phố Hồ Chí Minh thì gặp một người tên N (không rõ nhân thân và lai lịch). Tại đây, N nói có một số thuốc Lắc giả không bán được nên cho T 65 viên có màu xám để trong 02 bì nilon (01 bì chứa 40 viên, 01 bì chứa 25 viên). T không biết là chất gì nên cất giấu trong người với mục đích khi cần thì sẽ sử dụng. Đến tối ngày 27/6/2022, T đi xe khách từ thành phố Hồ Chí Minh về Gia Lai và có mang theo 01 viên ma túy thuốc Lắc màu hồng mà T mua để sử dụng và 65 viên màu xám mà N đã cho. Sáng ngày 28/6/2022, T về phòng trọ của T tại số 100A đường Tô Vĩnh D, Tổ 3, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai và cất giấu số ma túy này ở trên nệm trong phòng. Đến 15 giờ 35 phút cùng ngày, khi Lê Hữu T đang ở phòng trọ thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố P phối hợp với Công an phường Hoa L kiểm tra và bắt quả tang; thu giữ vật chứng, gồm: 01 viên nén màu hồng đựng trong 01 gói nilon và 65 viên nén màu xám đựng trong 02 gói nilon (01 gói chứa 40 viên, 01 gói chứa 25 viên) đã niêm phong theo quy định và 01 chiếc điện thoại di động hiệu V.Smart màu trắng đã qua sử dụng kèm sim số.

Tại Kết luận giám định số 442/KLGD ngày 06/7/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“01 viên nén màu hồng có trong 01 (một) gói nylon gửi giám định là ma túy, loại MDMA, khối lượng 0,4047gam”*.

Tại kết luận số 903/KL-KTHS ngày 08/7/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Đà Nẵng, kết luận: *“65 viên nén màu xám có trong 02 gói nilon, trong bì niêm phong ký hiệu II gửi giám định đều không tìm thấy các chất ma túy, có tổng khối lượng 26,18 gam”*.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu V.Smart màu trắng đã qua sử dụng kèm sim số (có dãy số 89840 48000 33699 2755) là của cá nhân bị can, không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý chiếc điện thoại này cùng với chất ma túy loại MDMA còn lại sau giám định, trong 01 bì công văn ghi số 422/PC09 ngày 07/07/2022, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai và 65 viên nén màu xám còn lại sau giám định, trong 01 bì công văn dán kín mang số 903/KL-KTHS ngày 08/7/2022, có dấu niêm phong của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Lê Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Hữu T và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Hữu T với mức án tù 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng các Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 442/PC09 ngày 06/7/2022 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 bì công văn số 903/KL-KTHS ngày 10/7/2022 có dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Hữu T 01 điện thoại di động hiệu V.Smart màu trắng đã qua sử dụng kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Lê Hữu T thừa nhận hành vi bị truy tố, không có ý kiến phản đối về tội danh và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở xác định: Vào lúc 15 giờ 35 phút ngày 28/6/2022, tại phòng trọ số 100A đường Tô Vĩnh Diện, tổ 3, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Lê Hữu T tàng trữ 0,4047 gam ma túy loại MDMA nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo Lê Hữu T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo về tội này là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng và là gánh nặng cho gia đình và xã hội. Do đó cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, răn đe, giáo dục, đồng thời phòng ngừa

và đấu tranh chống tội phạm về ma túy, loại tội phạm ảnh hưởng lớn đến trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, các đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Đối với 65 viên nén màu xám có tổng khối lượng 26,18 gam qua giám định không tìm thấy các chất ma túy. Khi N cho có nói với T là ma túy giả. Bản thân Lê Hữu T cũng không biết là chất gì nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Hữu T về 26,18 gam này là có căn cứ.

[8] Đối với đối tượng mà T khai đã bán ma túy cho T tại khu vực quán bar 85 thuộc quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh và đối tượng tên N là người mà bị cáo T khai đã đưa viên nén cho T tại khu vực ngã tư Trung Ch, xã Trung Ch, huyện Hóc M, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an xã Trung Ch nhưng chưa xác định được đối tượng tên N và bị cáo T không biết rõ nhân thân, lai lịch của các đối tượng này ở đâu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành xác minh và xử lý sau là có căn cứ.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị K là chủ nhà nghỉ số 100A đường Tô Vĩnh D, thành phố P, tỉnh Gia Lai: Việc Lê Hữu T mua ma túy mang về phòng trọ cất giấu để sử dụng thì bà K không biết nên không có căn cứ để xử lý là có căn cứ.

[10] Về vật chứng: Chất ma túy hiện đang thu giữ thuộc loại cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chất không phải là ma túy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu V.Smart màu trắng kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng) không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[12] Bị cáo Lê Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 28/6/2022).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định trong 01 bì công văn ghi số 442/PC09 ngày 06/7/2022 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và chất còn lại tại 01 bì công văn số 903/KL-KTHS ngày 08/7/2022 có dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng.

- Trả lại cho bị cáo Lê Hữu T 01 điện thoại di động hiệu V.Smart màu trắng đã qua sử dụng kèm sim số (điện thoại cũ, đã qua sử dụng).

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 33/2023 ngày 06/01/2023 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hữu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Thu**